TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HSST
Ngày 27-7-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.
2. Bà Ngô Thị Lệ Nga.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Hồng Thanh, là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại Khu đất trống đối diện ngã 3 đường đi A - B - L, địa chỉ: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2017/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2017, đối với bị cáo:

Phan Văn S sinh năm 1987, tại Đồng Tháp, trú tại: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: không biết chữ; con ông Phan Văn B và bà Trần Thị S; tiền sự: không; tiền án: không; tạm giữ, tạm giam: không; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Tấn T là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp Pháp lý Nhà nước; có mặt.

Người bị hại: Nguyễn Văn T sinh năm 1952; nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; đã chết.

Người đại diện theo pháp luật của người bị hại Nguyễn Văn T là bà Nguyễn Thị C sinh năm 1951 (vợ) và chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (con); cùng nơi cư trú: ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Người đại diện hợp pháp cho bà Nguyễn Thị C theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị L; có mặt.

NHẬN THẤY:

- Bị cáo Phan Văn S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp (sau đây viết tắt là Viện kiểm sát) truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 03/4/2017, Phan Văn S điều khiển xe gắn máy, Biển kiểm soát 66GA-029.58, di chuyển trên đường nông thôn hướng từ xã A

về bến đò M xã B. Khi đến đoạn đường thuộc ấp B, xã B, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, S không chú ý quan sát nên phanh chân xe của S va chạm vào bên trái vành bánh sau xe đạp của ông T điều khiển cùng chiều phía trước. Cú va chạm mạnh làm cả 02 xe, 02 người ngã xuống mặt đường, ông T bị thương vùng đầu. S cùng quần chúng đưa ông T đến Bệnh viện Đa khoa Khu vực H, rồi chuyển đến Bệnh viện HN - Đồng Tháp. Do thương tích nặng nên gia đình tiếp tục đưa ông T đến Bệnh viện CR - Thành phố Hồ Chí Minh điều trị đến ngày 04/4/2017 thì tử vong.

Tang vật trong vụ án: 01 xe đạp, màu sơn đỏ, đen; 01 xe gắn máy hiệu ESPERO, màu đỏ, bạc, dung tích xi lanh 49cm^3, Biển kiểm soát 66GA-029… và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe tên Phan Văn S.

Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 04/4/2017 thể hiện: Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn nằm trên đoạn thẳng, tầm nhìn không bị che khuất, đường bê tông nhựa; mặt đường rộng 06 mét, có vạch sơn kẻ giữa đường; lấy lề phải, hướng xe gắn máy và xe đạp chạy làm chuẩn; điểm hai xe va chạm (số 9) cách lề phải 1,2 mét.

Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 95-TTh/TTPY ngày 21/4/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Tháp kết luận nạn nhân T tụ máu ngoài màng cứng, thái dương phải và trái xuất huyết hai bên não, phù não; tử vong do chấn thương sọ não, thời gian tử vong dưới 24 giờ.

Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng: Trả lại cho S xe gắn máy biển kiểm soát 66GA-029… và giấy đăng ký xe; trả lại xe đạp cho người đại diện hợp pháp của người bị hại là chị L.

Về dân sự: Trong giai đoạn điều tra, S và người đại diện hợp pháp của người bị hại là chị L thỏa thuận bồi thường thiệt hại chi phí điều trị, mai táng phí, tổn thất tinh thần, công lao động, chi phí khác, tổng số tiền 14.940.000đ và đã bồi thường xong. Tại phiên tòa, chị L cho rằng số tiền đó chỉ là số tiền chi phí điều trị, mai táng… cho người bị hại chứ chưa có số tiền tổn thất về tinh thần nên yêu cầu S bồi thường thêm số tiền tổn thất tinh thần là 30.000.000đ. Bị cáo S chỉ chấp nhận bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 15.000.000đ, vì hoàn cảnh gia đình nghèo, không có khả năng bồi thường.

- Tại bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát đã truy tố Phan Văn S về *"Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"* theo khoản 1 Điều 202 của Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (sau đây viết tắt là BLHS).

Kiểm sát viên thực hiện việc luận tội; phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 202 và điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của BLHS, xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm tù. Về dân sự: Yêu cầu của chị L có một phần căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Về vật chứng: Đã giải quyết xong nên không đề cập đến.

Luật sư T trình bày lời bào chữa, ý kiến về luận tội của Kiểm sát viên và đưa ra đề nghị của mình: Thống nhất theo truy tố của Viện kiểm sát. Đề nghị xem xét các tình tiết giảm nhẹ mà Kiểm sát viên đã nêu và xem xét thêm tình tiết bị cáo

không biết chữ nên việc nhận thức hạn chế để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về dân sự do Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo S nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt để nuôi cha mẹ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY

Bị cáo S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi gây ra tai nạn giao thông của mình, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét đánh giá tại phiên tòa hôm nay. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đã điều khiển xe gắn máy tham gia giao thông vi phạm Luật Giao thông Đường bộ năm 2008, đó là: các hành vi bị nghiêm cấm tại các khoản 11, 23 Điều *8 "Điều khiển xe cơ giới chạy… vượt ẩu"*, *"Hành vi vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, hành vi khác gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông đường bộ"*; vi phạm các quy tắc vượt xe quy định tại khoản 1, 2 Điều 14: *"Xe xin vượt phải có báo hiệu bằng đèn hoặc còi…"*. Bị cáo đã không có tín hiệu xin vượt, vượt ẩu, không quan sát nên đã va chạm vào xe của ông T làm nạn nhân tử vong.

Tính mạng, sức khỏe của con người là bất khả xâm phạm, được Nhà nước ưu tiên bảo vệ, chế tài bởi pháp luật. Vậy mà, bị cáo không chấp hành đúng luật, không tuân thủ các quy định về an toàn giao thông đường bộ, điều khiển xe gây ra tai nạn làm chết người. Nếu bị cáo thực hiện đúng các quy định của Luật Giao thông Đường bộ thì không có hậu quả chết người, tài sản bị hư hỏng và ngày hôm nay bị cáo cũng không phải đứng trước vành móng ngựa.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến trật tự an toàn giao thông đường bộ, gây thiệt hại đến tính mạng của người khác, gây hoang mang, tâm lý không an toàn trong quần chúng nhân dân khi tham gia giao thông.

Khoản 1 Điều 202 BLHS quy định: *"Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm."*

Do đó, đã đủ căn cứ để kết luận bị cáo S phạm *"Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"* theo khoản 1 Điều 202 của BLHS, Viện kiểm sát truy tố đúng người, đúng tội.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; nhân thân của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi gây ra tai nạn đã nỗ lực cứu giúp người bị hại; đã thỏa thuận và bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại, giúp cho gia đình bị hại phần nào giảm bớt nỗi đau mất người thân; tại phiên tòa bị cáo cũng thống nhất bồi thường thêm số tiền tổn thất tinh thần 15.000.000đ, mặc dù hoàn cảnh kinh tế của bị cáo và gia đình gặp nhiều khó khăn, có sổ hộ nghèo; cha

mẹ của bị cáo đã lớn tuổi, mẹ bị cáo bị bệnh đã cưa một chân; bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của BLHS; bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nên khi quyết định hình phạt có xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Từ hành vi và hậu quả nêu trên, phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo thấy được lỗi lầm của mình và phấn đấu trở thành người có ý thức chấp hành Luật Giao thông Đường bộ, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Đồng thời cũng nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho những ai thiếu ý thức chấp hành pháp luật, xem thường tính mạng người khác khi tham gia giao thông như bị cáo.

Về dân sự: Xét yêu cầu của chị L là có căn cứ để chấp nhận, vì ông T chết đi đã để lại một nỗi đau vô hạn, chính là tổn thất về tinh thần mà những người thân gia đình ông phải gánh chịu, bị cáo S phải có nghĩa vụ bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bị cáo S thuộc hộ nghèo, căn cứ vào khoản 2 Điều 585 của Bộ luật Dân sự năm 2015, quy định: "Người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường nếu không có lỗi hoặc có lỗi vô ý và thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế của mình"; nên Hội đồng xét xử xem xét mức bồi thường phù hợp là tương đương với 15 tháng lương cơ sở, số tiền 19.500.000đ.

Về vật chứng: Đã xử lý xong, đúng quy định.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên và luật sư là phù hợp nên chấp nhận.

Về án phí, người bị kết án phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003; điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khoản 1 tiểu Mục I Mục A của Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

– Tuyên bố bị cáo S phạm *"Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ"*;

– Áp dụng khoản 1 Điều 202, điểm b và p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

– Xử phạt bị cáo S 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt.

– Về dân sự, căn cứ vào khoản 2 Điều 585, khoản 2 Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo S bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần do tính

mạng bị xâm phạm cho bà C và chị L số tiền 19.500.000đ (Mười chín triệu năm trăm nghìn đồng).

– Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, khoản 1, tiểu Mục I, Mục A của Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo Nghị quyết, buộc bị cáo S chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

– Về nghĩa vụ thi hành án:

+ Quyết định bồi thường tổn thất về tinh thần được thi hành ngay theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự.

+ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

– Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

– Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Người tham gia tố tụng;
- Công an huyện Hồng Ngự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự (để thi hành theo điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Nông Phú